

SỐ 1828

## DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 6 (Phần Đầu)

### BẢN LUẬN QUYỂN 20

Địa do tu mà thành. Tu, là tu tập, tức là định hơn hết phát sinh trí tuệ, vì tu đối trị, nên định mà phát tuệ giải lý sự, gọi là tu tuệ. tuệ này và tâm, tâm sở v.v... tương ứng, cùng quả đã được, hoặc hữu vi hoặc vô vi đều là Thể của Địa này.

Văn chính được chia làm hai:

1/ Kết trước, hỏi sau.

2/ Đáp câu hỏi, chính giải thích.

- Trong giải thích có ba:

1/ Nêu bốn Xứ.

2/ Lấy bảy chi gồm nhau, giải thích rộng.

3/ Tổng kết thành Địa do Tu thành.

Trong bảy chi gồm nhau giải thích rộng, trước, là nêu chung bảy chi nhiếp nhau. Sau, nói rộng về tướng riêng.

Văn đầu có ba: Đầu tiên, là nêu, kế là nêu, sau, kết.

Xứ là Xứ sở. Vì dựa vào bốn Xứ nghĩa để tu, mới được viên mãn.

Nơi chốn thứ nhất, Thể trong, “Duyên” ngoài, cần phải đầy đủ.

Thứ hai, nhân duyên thực hành phương tiện tu thể, xuất thể.

Thứ ba, Tu Du-già, chính là tu tự thể.

Thứ tư, Tu quả. Nhân tu mà được quả công đức hữu vi, vô vi của

thế gian, xuất thế gian.

- Gồm thâu bảy chi:

1/ Sinh viên mãn tức là Xứ tu.

2/ Nghe chánh pháp viên mãn.

3/ Niết-bàn là Thượng thủ.

Ba thứ trên đây gọi là tu nhân duyên.

4/ Chủ thể thuần thực thành tựu tuệ giải thoát.

5/ Tu tập đối trị, gọi là tu Du-già.

6/ Thế gian thanh tịnh.

7/ Xuất thế gian thanh tịnh, gọi là tu quả.

Phân biệt rộng, trong tướng bảy chi, do thuộc về bốn Xứ, tức chia làm bốn: Đầu tiên, vẫn trong sinh viên mãn tu Xứ sở được chia làm ba:

1/ Nói về sinh viên mãn.

2/ Chủ thể gồm thâu bốn chi tu Xứ Du-già.

3/ Kết sinh viên mãn, nghĩa của Thánh giáo rộng, không thêm, không bớt.

Vẫn đầu lại có ba:

1/ Hỏi, nêu mười thứ

2/ Mỗi thứ đều nói riêng

3/ Tổng kết thành.

Lại, ở trung quốc không sinh biên địa v.v... Luận sư Thái nói: “Chỉ có Trung Thiên-trúc gọi là trung quốc. Bốn Thiên-trúc còn lại, tuy có bốn chúng du hành qua lại nhưng đều gọi là Biên địa. Đạt-tu không có âm chính thức để dịch. Dù có nhận thức phân biệt là nghĩa ngân lệ (tàn ác) hay Miệt lệ xa, cũng không có âm nào có thể dịch. Không biết chi cả, nghĩa là ngoan hiêu (tham lam tự đắc).

Hai Xứ sau này đều không có bốn chúng qua lại, cũng không có bậc Thánh cư ngụ.

Có thức, không có thức, vì đã phân biệt, nên chia làm bốn Xứ:

1/ Trung Thiên-trúc, vì chư Phật ba đời đều sinh ở Xứ này, nên gọi là trung quốc.

2/ Bốn Thiên-trúc dù không có Phật ra đời, nhưng vẫn có bốn chúng qua lại hóa đạo.

3/ Ngoài bốn Thiên-trúc, lúc Phật còn ở đời, không có Phật, bốn chúng xuất thế du hành, nhưng người có nhận thức, phân biệt, như nước Đường v.v... gọi là nước Đạt-tu. Bốn nhóm mọi rợ trang bị binh khí cung nỏ, dao mác v.v... gọi là Miệt lệ xa.

Luận sư Cảnh Cơ đồng giải thích: “Theo tục phương Tây nói: “Chỉ năm Ấn-độ gọi là Trung quốc, ngoài ra gọi là Biên Địa.”

Pháp sư Cảnh lại nói: “Miệt lệ xa, gọi là ưa nhơ bản, xung đột v.v... Đạt-tu là loại thấp hèn, tức nói thông lãnh này thuộc về các nước phía Đông.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đạt-tu, Nghĩa là vụn vặt, loại thấp hèn xấu ác, bỉ ổi. Miệt lệ xa, nghĩa là ưa nhơ bản.

Y cứ Kiền-Độ Bì Cách của Luật Tứ Phần, Đại Ca-Chiên-Diên đang ở nước A-Bàn-Đề, sai Úc Nhĩ đến vấn an đức Thế tôn đang ngự tại núi Kỳ-Xà-Quật để xin năm việc:

Xin cho ở biên địa năm vị thì được thọ giới. Đức Phật cho A-Thấp-Ba nước A-Bàn-Đề, giữ luật, năm người được thọ đại giới. Nếu có phương khác cũng cho phép, phương khác, là phương Đông, có nước tên là nước Bạch Mộc Điều. Ngoài ấp nước cũng cho phép. Phương Nam có ngôi tháp tên Tịnh Thiện. Ngoài tháp, cũng cho phép phương Tây có quốc sơn, tên là Nhất Sư Lê Tiên nhân chủng. Ngoài núi cũng cho phép. Phương Bắc có nước tên Trụ, ngoài nước này cũng cho.

Bạch Thủy Điều. Tuyên Luật Sư nói: “Đời Lương, từ phía Tây bắc đến triều đại nhà Lương.

Theo văn luật Tứ phần kia, người Trung quốc dường như thông nhiều xứ, chẳng hạn chế Trung Ấn-độ.

“Nghe chánh pháp viên mãn...” trở xuống, là giải thích về nhân duyên tu thứ hai, trong đó chia làm ba:

1/ Giải thích rộng ba chi.

2/ “Lại tùy thứ lớp đã nói ba chi..” trở xuống, là kết thành giáo rộng, không quá, không tăng.

3/ “Sau, lại có ba chi này, phải biết tức là tu nhân duyên Du-già...” trở xuống, kết thành ba chi thuộc nhân duyên tu. Lại, chính là nói pháp, đại khái có hai hạng: “Đó là thuận theo và không có nhiễm ô. Nói rộng có hai mươi, như Bồ-tát Địa nói: “Đây là chính thức nói pháp, thuận theo “Hai không” làm rạng rỡ Chân như. Và không có hy vọng mà vì người khác nói, cho nên không có nhiễm ô.

Trong Niết-bàn là Thượng thủ, trước hỏi, kể giải thích; sau, kết nghĩa rộng.

Trong giải thích, chia làm hai:

1/ Giải thích Niết-bàn là tướng đứng đầu.

2/ Giải thích do Niết-bàn này mà được năm thắng lợi.

Văn đầu lại chia làm hai:

1/ Nói chung Niết-bàn là đầu tiên nghe chánh pháp, không vì “duyên” khác.

2/ Dùng mười chuyển để giải thích, lấy làm đầu.

Trong văn sau có hai:

1/ Nêu mười chuyển.

2/ Niết-bàn là đầu.

Sau, giải thích mười chuyển:

Nói mười chuyển là:

1/ Tuệ do văn thành làm nhân.

2/ Đối với Đạo, quả Đạo Khởi ba thứ tín:

a/ Tin Đế thật.

b/ Tin Giới thật.

c/ Tin khả năng của mình.

Như Luận Duy Thức nói.

3/ Xa lìa chốn ồn ào, náo nhiệt, các Tâm, Tư xấu ác.

4/ Hưởng thiện, quyết định Trí do Tư thành.

5/ Chủ thể thu nhận do phương tiện hai tu.

6/ Chứng tu tuệ.

7/ Đối với sinh tử, Niết-bàn, phát khởi sự nhàm chán, ưa thích.

8/ Nhập hiện quán đế, Hữu học giải thoát.

9/ Thường tu Đạo giải thoát Vô học.

Năm chuyển đầu, ở Niệm trụ, quán bất tịnh v.v... ở trước. Một chuyển tiếp theo, ở địa vị Niệm trụ v.v... của quán Bất tịnh. Một chuyển tiếp theo, ở bốn thiện căn, đối với sinh tử, Niết-bàn, Khởi tưởng nhàm chán, hân hoan, nên tức bốn Đế, quán hai thứ sau, rất dễ hiểu.

10/ Chín thứ trên đây lấy Niết-bàn Vô dư làm đầu, tức do đây nên chứng Vô dư y, đây là chuyển thứ mười. Cũng có thể trong chín thứ trên, Niết-bàn Hữu dư y là Thượng thủ, gọi là giải thoát viên mãn, tức giải thoát này lấy Niết-bàn Vô dư làm đầu.

Năm thắng lợi: Lúc nghe chánh pháp, có hai lợi ích. Khi tu hạnh chính, cũng được hai lợi ích. Và, chứng bờ mé khổ, thành thực trong tuệ giải thoát thành thực có hai: Trước hỏi, sau đáp.

Trong phần đáp có ba:

1/ Nói về Chỉ, Quán do tuệ thành thực.

2/ Nói gần gũi bạn lành, tập ba học, do tuệ thành thực.

3/ Nói về chủ thể thành thực pháp thành thực giải thoát.

Giải thoát, nghĩa là quả. Chủ thể thực (năng thực) là nhân, tức Chỉ Quán v.v... Quả và Nhân này đều là đối tượng thực (sở thực).

Tuệ là chủ thể thực, vì năng thành thực nhân quả kia, nên gọi là Thành thực tuệ.

Tuệ trong tâm định, vì chuyển thanh tịnh đối với cảnh sở tri. Nghĩa là giải thích về chi Xa-ma-tha, do tuệ thành tựu. Tâm định không có cảnh của tuệ chứng, sẽ không sáng suốt, chướng bấn không lìa. Do tuệ chứng sáng suốt và khả năng lìa chướng, nên tâm định mới viên mãn, nên gọi là tuệ thành tựu.

Thứ hai, “Lại, chi Tỳ-Bát-Xá-Na” trở xuống, là giải thích dựa vào bạn lành, tu ba học do tuệ thành thực, trước, là nêu, sau, giải thích.

1/ Khởi tu tuệ, tất nhiên, phải nương tựa vào sự nhiếp thọ của bạn lành.

2/ Dựa vào đối tượng nhiếp thọ của Xa-ma-tha.

3/ Nương tựa vào đối tượng nhiếp thọ của Thi-la viên mãn.

Đầu tiên, vì khởi sự tu tuệ, nên không nói là do sự nhiếp thọ của tuệ. Hoặc vì khởi Văn tuệ, nên không nói là do tuệ nhiếp thọ; chưa có hiện hành tuệ phương tiện. Nếu về sau, khởi tuệ, thì về mặt lý, cũng sẽ được tuệ nhiếp thọ.

Tiếp theo, trong giải thích riêng, chỉ giải thích nương tựa bạn lành và được Thi-la nhiếp thọ, không dựa vào đối tượng nhiếp thọ của định. Chỉ ở trước đã thành tựu, tức là định này.

Bạn lành nhiếp thọ. Nghĩa là do bạn lành nhiếp thọ, lúc vì thọ pháp, đối với pháp đã nói, do có tuệ trong cảnh Sở tri, nên có giác hữu rõ.

Nhiếp thọ Thi-La. do Thi-la nhiếp thọ, người khác có ba căn tùy nêu tội v.v... Do có tuệ, nên có thể chịu đựng những luận điệu chê bai. Thứ ba, “Lại dựa vào sở tri chân thật” trở xuống, là giải thích về mười thứ chuyển, hay thành thực trong pháp thành thực của tuệ giải thoát, có hai:

1/ Nói về mười thứ.

2/ Kết mười thứ lần lượt khiến cho giải thoát viên mãn. Mười thứ là:

1/ Đối với cảnh, chân thật có giác rõ dục.

2/ Ưa thích nghe pháp.

3/ Liền nêu câu hỏi.

4/ Nghe nghĩa pháp rất sâu từ xưa chưa từng được nghe.

5/ Nói về nghĩa pháp rất sâu xa từ xưa chưa từng được nghe.

6/ Thấy những tai hại lỗi lầm, chán ngán sâu sắc việc thịnh hành của đời thường.

7/ Không mong muốn, ưa thích việc hưng thịnh ở đời.

8/ Vì bỏ đi pháp đường ác, tâm sinh nguyện vọng chính đáng.

9/ Vì dứt trừ các “hoặc”, tu các pháp lành.

10/ Vì được quả giải thoát kia và tâm thanh tịnh, tâm sinh ra mong muốn chính đáng.

Do đây, lần lượt giải thoát viên mãn, kết thành ba chi, gồm thâm rộng Thánh giáo, lại trong không có quá, không có thêm.

Ba chi như thế, nghĩa Thánh giáo rộng, tức là mười mười thứ v.v... Luận sư Cảnh nói: “Ở trước y cứ ở mười pháp nói trong môn thứ tư, khiến cho tuệ thành tựu. Vì tuệ thành tựu, nên giải thoát thành tựu. Giữ đây, thêm vào đó, y cứ chung, hưởng về các môn khác trước thành với nhau, để nói thành tựu. Nghĩa là do phần thứ hai vì nghe pháp viên mãn trong bảy chi, nên được thượng thủ viên mãn của Niết-bàn thứ ba. Vì Niết-bàn, viên mãn đứng đầu, nên được chủ thể thực thứ tư thành thực tuệ giải thoát.

Ba chi như thế, mỗi chi đều có mười môn phân biệt của môn rộng trong Thánh giáo của Phật, cho nên nói “Nghĩa Thánh giáo rộng của ba chi, nghĩa là mười mười tức là ba chi này, mỗi chi đều có mười nghĩa môn phân biệt, gọi là mười mười.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa là vì đầu tiên nghe chánh pháp, nên đại khái đối tượng tu hành đều đặt Niết-bàn ở đầu. Đối tượng tu học có thể thành tựu địa vị giải thoát v.v... kia, tất cả đều thành tựu tuệ. Hai thứ sau này do nghe chánh pháp làm đầu, lấy Niết-bàn làm Thượng thủ, trong đó có mười pháp chuyển. Trong thành tựu tuệ có mười thứ lần lượt, vì thế, nên kết giáo rộng, gọi là mười mười, chứ chẳng phải nói rằng nghe chánh pháp cũng có mười. Cho nên, trong nghe chánh pháp không có kết giáo rộng, hoặc quá, hoặc thêm. Có hai thứ sau, là kết.

Thứ năm trong bảy chi là tu tập đối trị, tức thứ ba tu tập Du-già trong bốn Xứ, vẫn chia làm bốn:

1/ Hỏi, nêu chung.

2/ Tùy theo giải thích riêng.

3/ Lấy tu đối trị, tức tu Du-già.

4/ Kết giáo rộng, không quá, không thêm.

Trong tùy giải thích riêng có ba:

1/ Giải thích mười thứ tu tập của ba địa vị.

2/ “Lại, tướng bất tịnh, đại khái có hai thứ” trở xuống, theo giải thích vấn nạn trước.

3/ “Lại, phương tiện chính tu các tướng có công năng đoạn diệt

các dục bị đối trị” trở xuống, là giải thích nhiều công tác tu tập đối trị, văn đầu có hai:

1/ Nêu ba địa vị.

2/ Giải thích mười tu.

Trong giải thích mười tu, văn có ba:

a/ Nói về hai tướng: bất tịnh, và Vô thường.

b/ “Lại, bốn thứ tạo tác của người xuất gia” trở xuống, là nói về bốn tướng: Vô thường, Khổ v.v...

3/ “Lại, đối với xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt” trở xuống, là nói về bốn tướng: ánh sáng v.v...

Mười thứ bị đối trị. Luận sư Cảnh nói: “Trong địa vị tại gia có hai:

1/ Đối với vợ, nhà, khởi tham, (nổi lòng tham) thì tu quán bất tịnh để đối trị.

2/ Đối với người thân khác, và tài sản, châu báu, sinh tướng yêu thích, thì tu quán Vô thường để đối trị.

Trong giai đoạn xuất gia có bốn. Trong vị xa lìa cũng có bốn, nên thành mười thứ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói:

1/ Người tại gia có dâm dục, tham và thọ dụng ái.

2/ Người xuất gia đã bị Tầm, Tư khuấy động, không sinh Hỷ, lạc, niềm vui, nổi mừng), tu tướng Vô thường, chứng tỏ tướng Vô thường này là phương pháp tu tập chung cho hai phái tại gia, xuất gia. Nói là theo thứ lớp, chứ chẳng phải do tại gia, xuất gia là hai địa vị, gọi là theo thứ lớp.

1/ Nói về bốn thứ việc làm.

2/ Nói về bốn thứ bị đối trị. (đối tượng trì)

3/ Nói về bốn thứ pháp “năng trị” (chủ thể trị).

Tám sở trị (đối tượng trị) khác dưới đây và pháp “Năng trị” (chủ thể trị), tức sau khi xuất gia, Giả sử sinh Hỷ, lạc, có trẻ nãi lười biếng v.v... là bốn. Xa lìa chỗ náo nhiệt, ở nơi vắng vẻ, đối với phẩm chỉ quán, có tâm đen tối, mê muội v.v... là bốn. Vì thế, trong địa vị xuất gia, Khởi bốn thứ chướng trong bốn thứ việc đã làm. Vì loại trừ chướng này, nên tu bốn tướng như Vô thường v.v...

Trong bốn tướng hàn quang sáng v.v... có hai:

1/ Nói về bốn thứ đối tượng trị (sở trị).

2/ Nói về bốn tướng.

Nói ba tướng tùy động đối với “sinh hữu”, tâm là chủ thể đối trị.

Người tu Tướng diệt này, đối với trạng thái sinh diệt của các pháp hữu vi, trở lại di động, gọi là tướng “sinh động”.

Nay, vì trong thấy tướng “sinh động” đó, nên gọi là đối với tướng thuyên chuyển giao động. Hoặc đối với “sinh hữu” ở tương lai, thường sinh mừng, vui, gọi là tướng “Tùy động”. Nhằm đối trị tướng này, nên tu tập tướng “diệt”, tức có bất sinh chẳng có ý ưa thích.”

- Dù có hai giải thích, đại khái có hai thứ dưới đây:

Thứ hai, theo trong giải thích vấn nạn trước, được chia làm ba:

1/ Giải thích tướng bất tịnh đầu tiên của người tại gia.

2/ Giải thích người xuất gia tu tướng khổ đối với Vô thường.

3/ Giải thích về sự tránh xa trong chỗ cư trú vắng vẻ để tu tướng

ánh sáng.

Trong tướng bất tịnh có ba:

1/ Bày tỏ hai sức.

2/ Nói về hai chướng.

3/ Nói về diệt trừ chướng này, pháp “năng trị” phần nhiều có đối tượng tạo tác.

Tư trạch. Nghĩa là chính thức nghĩ so lường.

Tu tập. Nghĩa là Khởi tu hành.

Trong giải thích chướng, trước, nói về chướng, sau, là kết.

Trong năm chướng, áp Cận Mẫu nghĩa là thường gần gũi chỗ người nữ.

Nói về thất niệm. Nghĩa là đối với chúng, gặp cảnh sáng tỏ vượt hơn ở trước.

Ở ẩn, buông lung. Nghĩa là ở một mình nơi vắng vẻ, thường nảy sinh tướng bất chính, chỗ chung ẩn hiển, do năng lực tu tập: do chỗ tu tập này ẩn hoặc hiển, thất niệm buông lung, tuy phương tiện siêng năng, v.v... khi tu bất tịnh, tà tư cũng hơn, tâm tùy theo tướng tịnh.

Bảy thứ chướng:

1/ Về sự việc vốn đã làm, tán loạn của tâm. Luận sư Cảnh nói: “Sự tán loạn của hành dục tham căn bản. Luận sư Thái nói: “Nhớ lại sự nghiệp kia, tâm liền tán loạn, nên che lấp tu tuệ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tùy theo thời gian của việc kia, tâm sinh tán loạn.”

2/ Việc vốn đã làm, hưởng về tán tác dụng. Luận sư Cảnh nói: “Thực hành phương tiện tán loạn về tham.”

Luận sư Thái nói: “Nhớ lại sự nghiệp mình đã làm trước đây, hưởng về tạo tác, cũng che lấp tu tuệ.”



Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sắp sửa thực thi việc kia, phát khởi (cảm thấy) hân hoan, tiến đến tác dụng của phương tiện.

3/ Tác ý phương tiện, với tánh xảo trá bất thiện. Luận sư Cảnh nói: “Như trẻ con ngày nay, với tâm tham, muốn lấy thức uống, ăn của Phật, tăng. Chúng không hiểu thế nào là tội, không tội đối với cử chỉ cung kính, ân cần thưa hỏi thầy.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Như người không có trí, lạm dụng của cải Tam bảo, bởi vì không cung kính, thờ phụng thầy, bạn, ân cần thưa hỏi, không am hiểu phương tiện.

4/ Không giữ căn môn. Dù ở trong hư không, vẫn có Tâm, Tư nhiễm ô làm rối loạn.

5/ Đối với thức ăn, không biết độ lượng; thân không điều hòa thích hợp.

6/ Vì Tâm, Tư gây não loạn, nên không ưa định (chỉ) vắng lặng.

7/ Vì thân không điều hòa, nên không tu phẩm tuệ, quán sát các pháp.

Tất cả pháp đối trị như thế, phải biết rằng, nói chung một môn mười hai, một môn mười bốn. Luận sư Cảnh, Cơ đồng nhận định “Nói về hai chương riêng. Trước năm, sau bảy, gọi là mười hai. Kết hợp nói về chung, riêng, lại thêm hai thứ chung. Nghĩa là Tư trạch chương và tu tập chương, nên thành mười bốn.”

Pháp sư Thái nói: “Tức trong bảy pháp sau không cung kính, thưa hỏi, căn môn ấy rối loạn. Nếu chung làm một thì chỉ có bảy pháp, nếu chia làm hai và nhiễm tâm tư để làm ba pháp, nên nói mười bốn.

Giải thích trong tướng ánh sáng có ba:

1/ Nói chung, ở đây “duyên” ánh sáng của Pháp.

2/ Nói về mười một chương tối tăm “sở trị” (đối tượng trị).

3/ Nói về pháp bạch của chủ thể trị (năng trị) trái với chương.

Như thế, vì nghi đeo đuổi theo: Kiết, sự che lấp tối tăm đầu tiên vì chương ngại, có thể dứt trừ nhân duyên nghi. Nghĩa là ba thứ chương sau của Kiết: Tinh tấn, siêng năng, ít ngủ; Ăn giữa ngày thân điều hòa, thuận với pháp quán Đế. Không muốn ở chốn tạp nhạp, tác ý như lý là chủ thể trừ khử nhân duyên nghi. Vì ba chương sau, nên ở đây nói là chương ngại có khả năng dứt trừ nổi nghi ngờ.

Tuệ do tu thành đã dứt trừ bảy pháp tối tăm:

1/ Hôn trầm.

2/ Trạo cử.

3/ Mừng vui.

4/ Pháp tương ứng v.v... với hai thứ: sợ, sân.

5/ Khởi nói năng Tâm, Từ.

6/ Không chánh tư duy và tâm tán loạn.

7/ Tư duy câu kết với tà.

Tu tuệ đã diệt trừ chướng tối tăm của bảy thứ theo thứ lớp đó.

“Tất cả thứ thanh tịnh của thế gian” trở xuống, là giải thích về quả tu thứ tư. Văn chia làm hai”

1/ Giải thích hai thứ tịnh.

2/ Kết thành quả tu.

- Phần đầu lại chia làm hai:

1- Giải thích chi thế gian thanh tịnh thứ sáu.

2- Giải thích chi xuất thế thanh tịnh.

Phần một lại có:

1/ Giải thích rộng về tướng.

2/ Kết thế gian thanh tịnh, chỉ ở chánh pháp, chứ chẳng phải ở các ngoại đạo.

Văn đầu tiên có ba:

1/ Hỏi, nêu ba danh hiệu.

2/ Tùy theo giải thích riêng.

3/ Kết giáo rộng không quá, không thêm.

Trong giải thích riêng: Mới được Sơ Tĩnh lự; định Vị chí, gọi là được Tam-ma-địa. Được Địa căn bản, gọi là Tam-ma-địa viên mãn. Lià nhiệm các chướng, sinh riêng tuệ thông thanh tịnh, tươi tỉnh, gọi là Tam-ma-địa tự tại.

Trong được Tam-ma-địa chia làm bốn:

1/ Giải thích về tướng riêng của đối tượng trị (sở trị), chủ thể trị (năng trị).

2/ Giải thích “được”, nghĩa được phần gần.

3/ Kết giáo rộng không quá, không thêm.

4/ Kết tịnh của thế gian, trụ chánh pháp, nghĩa là “được”

- Văn đầu có hai:

a/ Nói mười hai pháp đối tượng trị (sở trị).

b/ Nói về chủ thể trị.

- Văn đầu lại có hai:

1/ Nói mười hai chướng.

2/ Nói về bốn tướng có công năng che lấp.

Văn trước có ba: Đầu tiên, nêu; kế là giải thích; sau, là kết.

Trong Tam-ma-địa viên mãn có ba:

- 1/ Giải thích mười tướng.
- 2/ Kết viên mãn, nhập Địa căn bản.
- 3/ Kết giáo rộng.
- Mười tướng:
  - 1/ Nguyên vượt hơn, định mãn.
  - 2/ Thấy đức thù thắng của định.
  - 3/ Tinh tấn, siêng năng, cố gắng.
  - 4/ Chiết phục Ái sắc.
  - 5/ Thiện chưa viên mãn, tu ác khác còn vượt hơn.
  - 6/ Ở Tịnh thiên, sinh tâm không đắm nhiễm.
  - 7/ Không mặc cảm tự ti, cố gắng vươn lên, gia tăng tu.
  - 8/ Thuận theo hai tu.
  - 9/ Khuyến thỉnh Chánh pháp.
  - 10/ Đối với chỉ, quán, tùy sinh ái, lạc.
- Trong Tam-ma-địa tự tại có hai:
  - 1/ Giải thích tướng tự tại.
  - 2/ Kết giáo rộng.
- Văn đầu tiên có ba:
  - 1/ Trước là nêu: Dù Tam-ma-địa đã viên mãn, nhưng vì tướng chưa tự tại, khéo quán sát, nên sẽ được tự tại.
  - 2/ Là giải thích về hai mươi hai tướng của bốn Xứ.
  - 3/ Sau, là “đối với bốn Xứ như thế kia...” trở xuống, là nói về tướng tự tại.
- Trong văn thứ hai có hai:
  - 1/ Nêu bốn Xứ.
  - 2/ Do cạo bỏ râu tóc...” trở xuống, là giải thích về hai mươi hai tướng.
- Bốn Xứ:
  - 1/ Tự thệ thọ lãnh hình tướng thấp hèn oai nghi, các đồ.
  - 2/ Tự thệ thọ cấm giới Thi-la.
  - 3/ Tự thệ thọ siêng năng tu pháp lành.
  - 4/ Vì dứt trừ mọi khổ, lúc thọ ba Xứ trước, nên quán sát đứng đắn mọi đau khổ đeo đuổi.
- Ba Xứ trước trong bốn Xứ này, mỗi Xứ đều khởi năm tướng; riêng Xứ thứ tư khởi bảy tướng.
- Năm tướng của Xứ đầu là:
  - 1/ Cạo bỏ râu tóc.
  - 2/ Bỏ hình dáng tốt đẹp của thế Tục.

3/ Mặc áo hoại sắc.

Với ba tướng này, khởi lên lời tự thề thọ hình tướng thấp hèn. Lại, oai nghi, mọi đồ đều một là năm tướng.

Năm tướng của Xứ thứ hai là. Pháp sư Thái nói: “Y cứ chung năm tướng không ngoài hai thứ:

1/ Mới xuất gian tức bỏ hai việc đây là hai tướng.

2/ Tu hành, ở đây có ba tướng:

a/ Không có phạm giới.

b/ Vì chính mình không trái phạm, nên có khả năng nêu tội người khác.

c/ Đối với giới có thiếu kém, làm rồi biết sám hối.

Pháp sư Cảnh và Cơ đồng giải thích: Có năm

1/ Đại khái Xả hai sự được hiển hiện.

2/ Không tự phẩm thiết trách mình, người khác, không quở phạt, tấn xuất.

3/ Có phạm, không nêu lên do đó thiếu phạm, bèn tự khẩn trách.

4/ Người khác đuổi, biết sám hối trừ bỏ.

5/ Đối với người cử tội, không có sân khuế, gây tổn não, mà tự tu trị.

Năm tướng của Xứ thứ ba, như văn tự tỏ rõ. Xứ thứ tư, khổ được tùy thích hợp dùng bảy tướng để quán. Pháp sư Thái nói: “Xét lại Thích luận để nêu bảy tướng.”

Luận sư Cảnh nói: “Nỗi khổ của đường ác là một, nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết lại là bốn, cũng đủ với trước là năm. Khổ ái biệt ly là thứ sáu. Tự nghiệp đã tạo ra nhân của tất cả khổ là thứ bảy. Ba khổ trước, mỗi khổ được chia làm hai thành sáu. Vì nghiệp mình đã gây ra, nên đã bị tất cả nhân khổ theo đuổi, hợp thành một tướng, tức thành bảy tướng.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “1/ Xứ theo đuổi có một tướng, đối với quả Thánh chưa thể tùy chứng.

2/ Xứ theo đuổi có bốn tướng, đó là sinh, già, bệnh, chết.

3/ Xứ theo đuổi có một, đó là pháp ái biệt ly.

4/ Xứ theo đuổi có một, đó là nghiệp mình đã gây ra.

Sinh, già, bệnh, chết, đại khái có hai nghĩa:

1/ Tánh ép ngặt, thuộc Khổ Khổ. Luận Đối Pháp v.v... nói: “Năm Khổ trước trong tám Khổ, thuộc về Khổ Khổ.

2/ Tánh dời đổi, lui dứt, sinh biến đổi đối với chết; già thay đổi đối với trẻ; bệnh thay đổi đối với mạnh khỏe; chết thay đổi đối với sống.

Vì thế, ở đây nói là Khổ hoại. Pháp theo đuổi ái biệt ly chẳng phải là Khổ hoại. Do nghĩa bao gồm Khổ đầu tiên trong đây thuộc về khổ khổ, Khổ thứ hai, thứ ba thuộc về Khổ Hoại; một Khổ thứ tư thuộc về Khổ Hành.

Trong tướng tự tại có hai:

1/ Nói về tướng v.v... tác ý như lý tự tại.

2/ “Do ưa đoạn, ưa tu như thế” trở xuống, là kết thành tướng tự tại lìa nhiễm, tiến đến điều thiện.

Trong phần đầu lại có ba:

1/ Nêu, tức là khởi tác đúng như lý.

2/ Nói dựa vào bốn Xứ để khởi hai mươi hai quán, nên mới thành tướng xuất gia và Sa-môn.

3/ Nói về tướng đoạn tu của sáu tướng tu.

Sáu tướng: 1/ Ưa đoạn; 2/ Ưa tu; 3/ Không tham chấp mắc; 4/ Không có khuế, hại; 5/ Không có tùy “hoặc”, khéo giữ Niệm trụ. 6/ Không có tăng thượng mạn.

Trong tịnh xuất thế thanh tịnh lại chia làm ba:

1/ Nêu lên năm môn

2/ Tùy theo giải thích riêng

3/ Kết thành tịnh và nghĩa rộng của giáo.

Trước đã được bốn thiện căn thanh tịnh của thế gian xong, tức là có khả năng nhập hiện quán Đế trước hết, sinh tối tăm diệt, chướng ngại tức là diệt trừ. Vì chứng tư tuệ chung mà ở trước đã được sự cảnh Hoan hỷ. Vì dứt trừ chướng, lại tập như trước mà được Loại, Đạo. Do vậy mà có thể nhập địa vị Vô học, chứng đạo thanh tịnh và quả công đức, gọi là theo thứ lớp của nghĩa giản lược trong đây.

Trong nhập hiện quán Đế, vẫn chia làm ba:

1/ Hỏi về Sinh khởi, từ tịnh thế gian, chứng được xuất thế, quán cảnh kém thua của đời, sinh sâu sắc tướng nhằm chán xấu ác.

2/ “Lại, người trụ chánh pháp này...” trở xuống, là nói rộng về tướng nhằm chán tai họa, an trụ tâm tướng.

3/ Kết hai tướng này, mỗi tướng đều có hai mươi thứ, lại không có lỗi tăng.

Nói rộng về tướng nhằm chán tai họa trong tướng an trụ. Vẫn được chia làm hai:

1/ Nói dùng hai mươi tướng để tư duy nhằm chán tai họa của năm nơi chốn. “Lại có hai mươi tướng của năm nhân” trở xuống, là nói về tâm an trụ.

Trong phần đầu có ba:

1/ Nêu lên năm Xứ.

2/ “Trong đây, đại khái có ba thứ” trở xuống, là nói về hai mươi tướng.

3/ “Người kia do nhàm chán đều cùng có hành tướng” trở xuống, là kết thành tướng nhàm chán.

Năm Xứ:

1/ Tương ứng với tạp nhiễm của mình.

2/ Không tương ứng với thanh tịnh của mình.

3/ Tai họa lỗi lầm tương ứng với tạp nhiễm của mình.

4/ Tai họa lỗi lầm không tương ứng với thanh tịnh của mình.

5/ Thấy khó, hoàn thành xong đối với thanh tịnh của mình. Đối với năm Xứ này, tâm đều cùng nhàm chán tai họa.

Nương tựa hai mươi tướng của năm Xứ. Nghĩa là ba Xứ đầu, mỗi Xứ đều có ba tướng. Xứ thứ tư có năm thứ; Xứ thứ năm có năm, hợp với tướng trước, thành mười chín. Lại, “Lại phát khởi tinh tấn vững chắc...” trở xuống, là hợp chung với năm Xứ thành một tướng, cộng với tướng trước là hai mươi.

Tương ứng với tạp nhiễm có ba. Pháp sư Thái nói: “Nói tương ứng chung của ba thứ tạp nhiễm ở trước không do thuộc về sự phối hợp riêng.”

Luận sư Cảnh nói: “Một thứ chưa điều hòa, chưa thuận mà chết, là tương ứng với tạp nhiễm. A-la-hán chết, gọi là cái chết điều nhu, xa lìa tạp nhiễm. Nay, vì không điều hòa mà chết, nên tương ứng với tạp nhiễm. Hai thứ còn lại rất dễ hiểu.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa là thể tạp nhiễm tương ứng với mình:

1/ Chưa lìa không điều, chết, bậc Thánh vì lìa.

2/ Sẽ rơi vào hầm phiền não. Ba nghiệp ác hiện hành sẽ đọa vào chỗ ác. Đây là tùy đối tượng thích hợp, tức nghiệp phiền não sinh ra ba thứ: tạp nhiễm, thanh tịnh, bất tương ứng. Nghĩa là Niết-bàn, định, tuệ vượt hơn, Thể của pháp thanh tịnh, vì thân mình không có, nên gọi là bất tương ứng.

Tai họa lỗi lầm tương ứng với tạp nhiễm, nghĩa là do tương ứng với Thể tạp nhiễm, tức là sinh ra ba thứ tai họa lỗi lầm:

1/ Căn bản của Khổ sinh, già, bệnh.

2/ Tám xứ không có rảnh rang.

3/ Đối với tất cả chỗ sinh ra bốn tướng bị các tánh Vô thường ép

ngặt.

Thanh tịnh không tương ứng với tai họa lỗi lầm. Do không tương ứng với Thể thanh tịnh, nên tai họa lỗi lầm sinh ra.

Đối với thanh tịnh của mình, gặp việc khó vẫn thành xong. Nghĩa là pháp thanh tịnh được thấy ở thân mình, khó có thể thành xong:

1/ Nếu xả pháp tịnh mà không tu, thì người ấy cuối cùng không thể nhậm vận tự khởi sự làm là có đạt được hiệu quả mong muốn.

2/ Ngoài pháp thanh tịnh ra, đối với việc đời, còn chẳng phải mời thỉnh người khác mà có thể thành xong, huống chi là việc thanh tịnh?

3/ Đối với việc thanh tịnh quyết định nên thực thi, do tâm chưa thanh tịnh, nên đối với sự việc kia chưa thoát.

4/ Chẳng phải trong hiện tại, không làm các việc ác, mà ngay cái tên thanh tịnh đã được lìa hẳn ngọn lửa phiền não đang hừng hực cháy. Nếu không có Thánh đạo, tất nhiên nghiệp ác sẽ không bao giờ hết.

5/ Đo Đạo thanh tịnh viên mãn mới chứng được quán và được thanh tịnh. Nếu không chứng được Đạo học, Vô Học, thì cuối cùng không tịnh.

Trong tướng thứ hai mươi có bốn chữ “Hựu” (lại):

1/ Một chữ “lại” tương ứng, không tương ứng với thể nhiễm ô, thanh tịnh.

2/ Chữ “lại” thứ hai, tai họa lỗi lầm tương ứng, không tương ứng với nhiễm tịnh.

Hai chữ “lại” ở dưới đối với tướng tư duy của năm kiến thức khó thành xong.

Thứ hai có hai mươi tướng, trong tâm an trụ có ba:

1/ Nếu hai mươi thứ của năm nhân, thọ thuộc về “tướng”, giúp cho tướng an trụ của tâm đối với Niết-bàn.

2/ Giải thích riêng về năm nhân.

3/ “Lúc bấy giờ, tâm kia do năm nhân này...” trở xuống, là kết thành an trụ.

Trong giải thích riêng năm nhân, được chia làm hai:

1/ Nói về năm nhân.

2/ “Nghĩa là đối với “không”, “Vô nguyện” v.v... ” trở xuống, là giải thích hai mươi tướng.

Trong năm nhân có ba:

1/ Hỏi, 2/ Giải thích, 3/ Kết.

Năm nhân dựa theo thứ lớp Nghịch, nói năm nhân:

1/ Bốn thiện căn khai sáng năng quán thông suốt bốn Đế

2/ Định sở y tức định mà bốn thiện căn đã nương tựa.

3/ Chính định này, bốn Niệm trụ v.v... ở trước, năm pháp quán dừng tâm, v.v... năng nhập cảnh giới.

4/ Các quán này, trước đây đã tu sáu tùy niệm v.v... của bốn Thánh chủng, gọi chủ thể Nhiếp thọ Gia hạnh, Tư lương năm tức ở đây, ở trước đã thọ trì ba Tạng, gần gũi Hòa-thượng và A-xà-lê, hay thọ lãnh sự răn dạy. Tư duy gia hạnh gọi là phương tiện nhiếp thọ trước hết, cho nên nói là năm quán dựa theo thứ lớp nghịch mà nói.

Dựa vào năm nhân trên để Khởi hai mươi tướng. Nghĩa là nương tựa nhân ban đầu có sáu tướng; dựa vào nhân thứ hai, có bốn tướng; dựa vào nhân thứ ba, có hai tướng; dựa vào nhân thứ tư, có năm tướng; dựa vào nhân thứ năm, có ba tướng.

Nhân ban đầu có sáu tướng:

1/ Hiện hạnh vi tế, hữu gián, vô gián, tùy chuyển, Ngã mạn, đều là tướng của Tâm hạnh. Các tướng này đối với tiền phương tiện như Không v.v..., Khởi, hay che lấp các ý hiện quán chính thức thông đạt.

Hữu gián ngã mạn. Nghĩa là Đệ lục thức câu. Vô gián ngã mạn. Nghĩa là Đệ nhất thức câu. Vì những thức này đều “câu sinh” (đều cùng sinh) nên gọi là vi tế.

Phân biệt kia. Nghĩa là xa ở trước, Tư lương đã chiết phục.

2/ Đã không đạt rồi, nhậm vận tác ý trong tâm, tùy đối tượng thích hợp với tác ý, hay khéo bỏ hai ngã mạn ở trước, khiến chứng Vô gián diệt. Đây là nghĩa làm cho ý nhiệm không hiện hành.

3/ Dựa vào Vô gián diệt để tư duy hành Vô thường v.v... như thế.

4/ Do tác ý này, cho đến trí Bình đẳng sinh.

5/ Người kia, lúc bấy giờ, ngã mạn v.v... diệt, chứng một tánh cảnh của tâm.

6/ Bèn tự suy nghĩ: “Ta đã chứng tánh tâm này, biết rõ như thật.”

Dựa vào bốn tướng của nhân thứ hai:

1/ Đạo thế gian ở trước đã được định viên mãn, cũng được tự tại, nghĩa là đi vào, ở, đi ra.

2/ An trụ tâm mình, nhập hiện quán để đối với các tướng này.

3/ Nếu được định này chưa viên mãn tự tại thì tư duy chỉ, đề ra tướng Xả.

4/ An trụ tâm mình.

Hai tướng trong nhân thứ ba:

1/ Niệm A-Na-Bát-Na (niệm theo hơi thở)

2/ Các niệm trụ.



Trong nhân thứ tư có năm tướng:

- 1/ Xa lìa những việc chẳng nên làm.
- 2/ Xa lìa những việc đã thích dứt thích tu.
- 3/ Ở phần vị ngày, đêm, quán việc suy đồi, hưng thịnh của mình, người, tâm cảm thấy chán ngán tai họa.

4/ Tu sáu Tùy niệm.

5/ Trụ bốn Thánh chủng.

Ba tướng của nhân thứ năm: phương tiện gia hạnh là hai; chánh gia hạnh là một.

Trong lìa các chướng ngại của môn thứ hai có ba:

- 1/ Nêu, lên hai chướng
- 2/ Tùy theo giải thích riêng
- 3/ “Mười thứ thiện Xảo của hai thứ như thế” trở xuống, là kết thành lìa chướng, và nghĩa rộng không quá, không thêm.

Trong giải thích riêng chướng, đầu tiên, nói về mười một thứ chướng của hai Xứ. Về sau, “Lại, hai chướng này...” trở xuống, đối với hai Xứ này, khởi mười thiện xảo.

Trong chướng hành Xứ có sáu:

1/ Bỏ số của phẩm thiện với chúng hội. Việc này, như luận Đối Pháp gọi là chướng ngại bất thiện, Sư Huệ giải thích rằng: chúng tăng thường nhóm họp, tức trở ngại cho ba học, nên gọi là bất thiện.

2/ Xem trọng việc uống ăn.

3/ Gồm hai Xứ trước ưa sấm nhiều y bát. Pháp sư Thái nói: “Gồm hai Xứ trước, nghĩa là ở chung v.v... với chúng.”

4/ Ưa nói chuyện, bàn bạc với nhau.

5/ Ngày đêm, thích ngủ, ưa nói.

6/ Ưa ở chung với người khác.

Ý nói ưa ở chung với người thứ hai, nghĩa là không thích ở một mình, cũng có thể là ưa ở chung với người thứ hai ở trước.

Chướng chỗ ở có năm: bốn chướng đầu là bốn, tánh không thuận theo Chướng thứ năm, hoặc “suốt ngày đêm có nhiều chuyện ồn ào, buông thả” trở xuống, hợp thành một thứ, gọi là đối với mười một thứ chướng của hai Xứ. Hoặc hành xử hợp thành một phương tiện nhất định, gọi là Hành xử.

Chướng chỗ cư trú có mười: bốn chướng đầu là tánh không tùy thuộc; năm chướng huyền não, buông thả vào ban ngày; sáu chướng về đêm, với nhiều điều khổ sở.

7/ Thường sợ hãi.

8/ Nhiều tai biến, dịch lệ.

9/ Mọi đồ thiếu thốn, không đáng ưa thích.

10/ Bạn xấu ác dẫn dắt, nuôi giữ, không có các bạn lành.

Năm thứ đồ nằm mất tương ứng, chỉ rõ như Địa Thanh văn.

Trong nhiều định vui có sáu: Tu chỉ, cử, xả, nhập, trụ, xuất.

Trong nhiều Tư trạch có bốn. Nói tuệ thiện vượt hơn, gọi là Tư trạch. Nghĩa là ở đây phát ra Thể của tư duy chọn lựa” trở xuống, là nói về bốn thiện xảo:

1/ Về phần vị ngày đêm, biết rõ việc thiện, ác, tăng trưởng, suy đồi tổn.

2/ Ngày, đêm, do biết rõ như thật về y phục v.v... rõ việc thiện, ác, suy yếu, thối lui của mình.

3/ Tư duy, lựa chọn là dựa theo pháp bất thiện, xua đuổi, xa lìa.

4/ Đối với điều thiện năng tu. Bốn thứ này cộng với sáu thứ trước thành mười thiện xảo.

Thứ ba, vì chứng sự hoan hỷ của tư tuệ thông có ba:

1/ Hỏi, 2/ Giải thích, 3/ Kết.

Trong giải thích có bốn Hỷ:

a/ Đối với bốn chứng tịnh, sinh Hỷ.

b/ Đối với tự tăng thượng sinh và quyết định vượt hơn, sinh Hỷ.

c/ Vì không có ghanh ghét, nên đối với đồng loại của người được hai việc này cũng sinh vui mừng.

d/ Nghĩ đến người có ơn, phát sinh vui mừng.

Thứ tư, trong tu tập như Đạo đã được, có ba:

1/ Hỏi, 2/ Giải thích, 3/ Kết.

Trong phần giải thích có hai:

a/ Nói về bốn pháp là chủ thể nương tựa.

b/ Nói năm pháp viên mãn.

Bốn pháp là:

1/ Tâm tư duy cùng tột kính mến xuất ly ưa muốn sao cho sẽ trụ đầy đủ như A-la-hán.

2/ Sự ưa muốn như thế đã được nảy sinh rồi, phát siêng năng, tinh tấn tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề.

3/ Vì siêng năng tinh tấn, nên tâm ưa xa lìa.

4/ Do ba pháp trước đã không sinh Hỷ tức, để mong cầu được trụ pháp vượt hơn, nên về sau, giúp cho năm pháp tu tập viên mãn:

1/ Đối với Hoan hỷ, tu được viên mãn, xa lìa cõi Dục.

2/ Đạo lý phương tiện đã gây tổn giảm rất cùng cực, vì phiền não

dứt; dứt phiền não của cõi Sắc, Vô sắc, đạt được niềm vui, nỗi mừng viên mãn của Đạo Thắng Tấn.

3/ Tránh xa sự thô nặng.

4/ Đạt được hiệu quả khinh an, cũng có thể do tinh tấn ở trước, dứt trừ “tu hoặc” của cõi trên, mới đổi lấy được khinh an.

Do khinh an, nên thân tâm cảm thấy mát mẻ, được nhiếp thọ cùng cực .

5/ Được định Kim Cương .

Thứ năm, trong chứng Đạo v.v... thanh tịnh có ba:

1/ Nhắc lại câu hỏi.

2/ Giải thích.

3/ Tổng kết thành.

Trong giải thích Đạo viên mãn Vô thượng không có Đạo nào hơn, có hai:

a/ Giải thích riêng về công đức của Đạo quả.

b/ Kết thành giáo rộng.

Trong phần trước lại có hai: Đầu tiên, là giải thích riêng có ba. Sau, tổng kết.

Trong phần trước, trước là nói về quả, tiếp theo, là nói rõ Đạo. Sau, nói về công đức.

Lấy phẩm Tạp Nhiễm: phẩm Tạp nhiễm của hành phiền não nghĩa là nghiệp.

Năm uẩn v.v... Vô học thuộc về mười Vô học. Nghĩa là Chánh ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, thuộc về uẩn giới. Chánh niệm, Chánh định, thuộc về uẩn Định. Chánh Kiến, Chánh tư duy và Chánh Tinh tấn, Chủ, bạn theo nhau, thuộc về uẩn tuệ. Thắng giải thường là giải thoát chân chánh, là uẩn giải thoát. Chánh trí thứ mười, gồm sáu giải thoát tri Kiến uẩn, tức đây là trí Tận Vô sinh . Thấy pháp rõ ràng, gọi là tri kiến. Vô học chánh kiến, gọi là Thân tuệ, cho nên, có khác nhau.

Trong mười lỗi lầm:

1/ Dựa vào dục của ngoại đạo, phát tà ngữ thờ than, buồn rầu, dùng chánh ngữ, làm chủ thể trị.

2/ Dựa vào việc không che chở căn. Do đây, khởi tà nghiệp của thân, dùng Chánh nghiệp làm chủ thể trị.

3/ Vị ái, ưa đứng lại ở lỗi lầm. Nghĩa là do tham vị ái, phát ra thân, ngữ, gọi là Tà mạng, dùng Chánh mạng, làm chủ thể trị.

4/ Lỗi đi, đứng buông lung, dùng Chánh tinh tấn làm chủ thể trị.

5/ Ngoại đạo không chung, tức họ đều có tà kiến riêng mà phát

ra lời nói.

6/ Tà kiến mà khởi Tâm, Tư, đều Chánh tư duy, làm đối trị.

7/ Tà kiến khởi đeo đuổi, tìm kiếm là Tà niệm. Chánh niệm là chủ thể trị., cũng có thể tà kiến là một lỗi lầm; lời nói Tâm, Tư là một; đeo đuổi, tìm kiếm là một (do tướng của chủ thể trị; đối tượng trị sẽ nói sau).

8/ Dựa vào lỗi lầm của bờ mé tính lự. Luận sư Cảnh nói: “Tính Lự thứ tư gọi là Bờ mé. Vì chấp định thứ tư cho là Niết-bàn, nên nói là lỗi lầm. Dùng Chánh định làm chủ thể trị.

Pháp sư Thái nói: “Cận phần, gọi là Bờ mé. Vì phần nhiều dựa vào cận phần, nên gọi là lỗi lầm của Bờ mé.

9/ Lấy lỗi phẩm Tạp nhiễm, thuộc về duyên khởi phát khởi. Nghĩa là chấp ái thủ kia, lấy tịnh làm nhân thanh tịnh, dùng Chánh trí làm chủ thể trị.

10/ Lỗi lầm phát khởi thực hành phẩm Tạp nhiễm. Lại do Vô minh mà phát, cho là nhân giải thoát, tức dùng Chánh giải thoát để đối trừ.

-----